

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 77/2021/HNGĐ-ST

Ngày 06/12/2021

V/v hôn nhân gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- T *phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và chị Phạm Hồng Thiêm.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Nhật Khánh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 136/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2021:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 19xx

Nơi cư trú: Thôn B, xã M, Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Anh Kim Quang T, sinh năm 19xx

Nơi cư trú: Thôn C, xã L, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Ngân hàng Thương mại cổ phần P (sau đây gọi tắt là P).

Địa chỉ: quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô A – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm B - Phó giám đốc Trung tâm XLN pháp lý. (Theo văn bản ủy quyền số 25 ngày 07/7/2020).

Người ủy quyền theo vụ việc: Ông Cao C và ông Bùi E – Cán bộ xử lý nợ của ngân hàng P.

Địa chỉ liên hệ: Tầng 7 Tòa nhà Việt Hải, số 78 Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội. (Theo văn bản ủy quyền số 10 ngày 01/9/2021).

(Ông E có mặt; Chị H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:*

Chị và anh Kim Quang T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau. Vợ chồng chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Thái Thụy vào ngày

12/10/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T làm ăn thua lỗ và chơi bời không lo được cho vợ con. Từ tháng 02 năm 2019 đến nay, anh chị sống ly thân. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không có tương lai nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có hai con chung là Kim Phạm Như Q, sinh ngày 21/6/2015 và Kim Bảo N, sinh ngày 23/10/2017. Từ khi anh chị ly thân, hai con ở cùng chị cho đến năm 2020. Từ năm 2020 đến nay chị nuôi con Q, còn anh T nuôi con N. Về điều kiện nuôi chung, hiện nay chị bán hàng kinh doanh tự do, thu nhập bình quân từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng. Chị ở cùng nhà với bố mẹ đẻ chị tại xã M, Thành phố Thái Bình có nhà cửa ổn định, kiên cố, những lúc mà chị bận đi làm không trông nom được thì chị nhờ ông bà ngoại trông nom con cho chị. Trong thời gian con Q ở cùng chị cháu đều được chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo, đi học đầy đủ.

Về con N được ở cùng bố là anh T, làm giám sát công trình xây dựng, thu nhập chị không rõ. Anh T ở cùng bố mẹ đẻ anh T, có nhà cửa ổn định, kiên cố, những khi anh T bận đi làm không trông nom được thì anh T nhờ ông bà nội trông nom con chung của anh chị. Hiện nay cháu N phát triển bình thường sức khỏe tốt.

- Về tài sản chung, nợ chung: Theo đơn khởi kiện ban đầu chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vì tuy vợ chồng chị có một ngôi nhà tại xã L, nhưng do làm ăn thua lỗ và thế chấp ngân hàng, đến nay không có khả năng trả nợ nên chị nghĩ để Ngân hàng phát mại tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đến tháng 9 năm 2021, chị được Tòa án thông báo biết ngân hàng có yêu cầu độc lập đối với khoản nợ trên, chị xin trình bày bổ sung như sau: Chị và anh T có ký hợp đồng Hợp đồng cho vay hạn mức số LN1706190083792 ký ngày 22/06/2017 cùng khế ước nhận nợ lần 1 số LN1706190083792 ngày 23/06/2017 (LD1717401531) với Ngân hàng P.

Số tiền vay: 625.000.000 đồng (*Sáu trăm hai mươi lăm triệu đồng*).

- Thời hạn vay: 12 tháng (*Bằng chữ: Mười hai tháng*), tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên.

- Mục đích sử dụng vốn: bổ sung vốn kinh doanh gia công cơ khí, buôn bán trần nhựa, inox, trần thạch cao.

- Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 11%/năm. Mức lãi suất này sẽ được cố định trong ba tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 03 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh điều chỉnh 01 tháng/1 lần ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 23/09/2017, mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4,5%/năm. Lãi suất bán vốn là Lãi suất do Hội sở chính của Bên Ngân hàng xác định từng thời kỳ.

- Lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên gồm: Toàn bộ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 353, tờ bản đồ số: 06; địa chỉ: thôn Cao Mỹ Cổ Lũng, xã L, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” số BV 563400, số vào sổ cấp GCN: CH 01651 do UBND huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình cấp ngày 15/09/2014 đứng tên anh Kim Quang T và chị Phạm Thị H. Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số 595/2017, số công chứng 595/2017, quyền số 1TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/06/2017 tại Văn phòng Công chứng Hưng Thịnh – Số nhà 130, phố Lê Lợi, phường Đề Thám, Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Sau khi vay vốn, vợ chồng chị chỉ trả lãi được một thời gian ngắn, đến đầu năm 2018 thì không có khả năng trả nợ. Về số tiền lãi đã trả chị không nhớ chính xác. Tuy nhiên, theo như ngân hàng P đã kê khai, chị đồng ý không có ý kiến gì. Nay ngân hàng P yêu cầu trả nợ, chị đã gọi điện để bàn bạc với anh T, quan điểm của chị và anh T là đề nghị Tòa án và ngân hàng P cho chị và anh T được trả số tiền gốc là 625.000.000 đồng. Trường hợp ngân hàng đồng ý, chị và anh T sẽ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản chung là nhà và đất trên. Nếu ngân hàng P không đồng ý, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và phát mại tài sản thế chấp. Đối với tài sản chung của chị và anh T là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 353, tờ bản đồ số: 06; địa chỉ: thôn Cao Mỹ Cổ Lũng, xã L, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” số BV 563400, số vào sổ cấp GCN: CH 01651 do UBND huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình cấp ngày 15/09/2014 đứng tên anh Kim Quang T và chị Phạm Thị H và ngôi nhà 2 tầng 1 tum trên thửa đất sau khi phát mại để trả khoản nợ trên. Trường hợp sau khi trả nợ còn dư, chị và anh T sẽ tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp sau khi phát mại không đủ để trả nợ cho P thì chị và anh T mỗi người sẽ chịu ½ số tiền còn thiếu.

Đối với các khoản vay khác gồm:

1. Theo “Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn” ký ngày 11/10/2016 (LD1629800461) giữa Ngân hàng P và anh Kim Quang T.

Số tiền vay: 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*)- Ngày giải ngân là ngày 24/10/2016.

2. Theo “Đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử” ký ngày 09/06/2017 (LD1716500523).

Số tiền vay: 49,000,000 đồng (*Bốn mươi chín triệu đồng*)

3. Theo “Đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm, đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm” ký ngày 12/06/2017 (266-P-952165)

Hạn mức sử dụng: 33,000,000 đồng (*Ba mươi ba triệu đồng*)

Mục đích sử dụng: Tiêu dùng

4 Hợp đồng vay thấu chi số PDPD1733500031 ngày 01/12/2017 (PDPD1733500031)

Số tiền vay: 79,000,000 đồng (bảy mươi chín triệu đồng)

Đây là các khoản vay của cá nhân anh Kim Quang T và ngân hàng P, chị không biết, không liên quan nên không có trách nhiệm trả nợ.

Vì điều kiện chị ở xa, ảnh hưởng của dịch bệnh covid nên chị đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt tại phiên Tòa.

* Anh Kim Quang T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tại biên bản lấy lời khai của bà Bùi Thị Nguyên ngày 03/8/2021 và biên bản lấy lời khai của anh Kim Quang Tuyến ngày 13/10/2021 là bố mẹ anh T. Bà Nguyên và ông Tuyến xác nhận việc anh T hiện đang sinh sống cùng gia đình ông bà nhưng anh T đi lao động tự do không có mặt ở nhà. Khi chị H gửi đơn xin ly hôn anh T, anh T đang ở nhà, chị H đã thông báo cho anh T biết. Bà Nguyên đã chứng kiến việc anh T đã viết bản tự khai thể hiện quan điểm sau đó đưa cho chị H để chị H nộp cho Tòa án. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, ông, bà đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án thay cho anh T và thông báo nội dung cho anh T biết. Quan điểm của anh T thông qua gia đình như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh và chị H hai con chung là Kim Phạm Như Q, sinh ngày 21/6/2015 và Kim Bảo N, sinh ngày 23/10/2017. Tại bản tự khai anh có nguyện vọng nuôi cả hai con chung. Sau đó, thông qua gia đình anh đồng ý với ý kiến của chị H là mỗi người nuôi một con chung. Anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu N và giao cháu Q cho chị H nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Tại bản tự khai anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Sau khi có đơn yêu cầu độc lập của Ngân hàng P, anh đã được gia đình thông báo. Anh xác nhận việc có ký 5 hợp đồng vay của ngân hàng P như đơn yêu cầu của Ngân hàng. Về việc trả gốc và lãi anh không nhớ rõ. Do làm ăn thua lỗ, anh không có khả năng trả nợ. Quan điểm của anh là trường hợp ngân hàng P phát mại tài sản thế chấp là nhà và đất mang tên anh và chị H thì phải xóa hết các khoản nợ cho anh. Trường hợp ngân hàng P chấp nhận cho anh trả nợ số tiền gốc của khoản vay 625.000.000 đồng, còn 4 khoản vay khác ngân hàng xóa nợ cho anh thì anh sẽ đồng ý trả nợ cho ngân hàng để được sử dụng nhà và đất.

* *Tại đơn yêu cầu, bản tự khai, các lời khai tiếp theo, ông Bùi E đại diện theo ủy quyền của ngân hàng P trình bày:*

Vợ chồng anh Kim Quang T và chị Phạm Thị H đã ký hợp đồng cho vay hạn mức số LN1706190083792 ký ngày 22/06/2017 cùng khế ước nhận nợ lần 1 số LN1706190083792 ngày 23/06/2017 (LD1717401531) với Ngân hàng P với nội dung

Số tiền vay: 625.000.000 đồng (Sáu trăm hai mươi lăm triệu đồng).

- Thời hạn vay: 12 tháng (Bằng chữ: Mười hai tháng), tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên.

- Mục đích sử dụng vốn: bổ sung vốn kinh doanh gia công cơ khí, buôn bán

trần nhựa, inox, trần thạch cao.

- Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 11%/năm. Mức lãi suất này sẽ được cố định trong ba tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 03 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh điều chỉnh 01 tháng/1 lần ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 23/09/2017, mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4,5%/năm. Lãi suất bán vốn là Lãi suất do Hội sở chính của Bên Ngân hàng xác định từng thời kỳ.

- Lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

Anh T và chị H trả lãi đến 23/01/2018 thì không trả được lãi và gốc.

Tính đến ngày 06/12/2021 anh T và chị H còn nợ:

Nợ gốc 625.000.000 đồng.

Lãi trong hạn: 35.073.299 đồng.

Lãi quá hạn: 355.218.750 đồng (tính quá hạn từ 23/6/2018).

Lãi chậm trả: 136.927.461 đồng

Tổng cả gốc và lãi phải trả = 1.152.219.510 đồng.

Anh Kim Quang T còn vay ngân hàng P 4 khoản vay gồm:

1. Theo “Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn” ký ngày 11/10/2016 (LD1629800461) giữa Ngân hàng P và anh Kim Quang T.

Số tiền vay: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) - Ngày giải ngân là ngày 24/10/2016.

Thời hạn vay: 60 tháng tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên.

Mục đích sử dụng vốn: Mua sắm vật dụng gia đình.

Lãi suất trong hạn: 30%/năm. Lãi suất cho vay cố định trong suốt thời gian vay.

Lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

Tính đến ngày 06/12/2021, anh T còn phải trả:

Nợ gốc còn 176.052.284 đồng;

Lãi quá hạn: 286.881.233 đồng (quá hạn từ 24/01/2018);

Phạt chậm trả lãi: 99.849.045 đồng;

Tổng cả gốc và lãi phải trả = 562.782.571 đồng

2. Theo “Đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử” ký ngày 09/06/2017 (LD1716500523).

Số tiền vay: 49,000,000 đồng (Bốn mươi chín triệu đồng).

Ngày giải ngân 14/06/2017

Thời hạn vay: 36 tháng tính từ ngày giải ngân

Mục đích sử dụng vốn: Mua sắm đồ gia dụng

Lãi suất trong hạn: 29,5%/năm.

Lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn

Tính đến ngày 06/12/2021 anh T còn phải trả:

Nợ gốc 43.628.897 đồng;

Lãi phải trả = 74.768.269 đồng

Phạt chậm trả lãi = 29.346.545 đồng

Tổng cả gốc và lãi phải trả = 147.743.711 đồng

3. Theo “Đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm, đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm” ký ngày 12/06/2017 (266-P-952165).

Hạn mức sử dụng: 33,000,000 đồng (Ba mươi ba triệu đồng)

Mục đích sử dụng: Tiêu dùng

Tính đến ngày 06/12/2021 anh T còn phải trả:

Nợ gốc 31.500.000 đồng;

Lãi phải trả = 101.562.808 đồng

Phạt chậm trả lãi = 0 đồng

Tổng cả gốc và lãi phải trả = 133.062.808 đồng

4. Hợp đồng vay thấu chi số PDPD1733500031 ngày 01/12/2017 (PDPD1733500031). Số tiền vay: 79,000,000 đồng (bảy mươi chín triệu đồng)

Mục đích sử dụng: Tiêu dùng

Lãi suất trong hạn: 22%/năm. Lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

Tính đến ngày 06/12/2021 anh T còn phải trả:

Nợ gốc 87.503.683 đồng;

Lãi phải trả 116.040.912 đồng;

Phạt chậm trả lãi: 44.780.247 đồng;

Tổng cả gốc và lãi phải trả = 248.324.842 đồng.

Nay Ngân hàng P buộc anh Kim Quang T và chị Phạm Thị H phải có trách nhiệm trả cho VPBank số tiền tính đến ngày 06/12/2021 theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN1706190083792 ký ngày 22/06/2017 cùng khế ước nhận nợ lần 1 số LN1706190083792 ngày 23/06/2017 (LD1717401531) là: 1.152.219.510 đồng (trong đó: Nợ gốc 625.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 35.073.299 đồng; Lãi quá hạn: 355.218.750 đồng (tính quá hạn từ 23/6/2018); Lãi chậm trả: 136.927.461 đồng) và toàn bộ lãi phát sinh kể từ ngày 07/12/2021 đến ngày thực trả theo đúng mức lãi suất thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng. Kể từ ngày Bản án/Quyết định có hiệu lực pháp luật mà anh Kim Quang T và chị Phạm Thị H không trả nợ đầy đủ cho VPBank, VPBank có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho VPBank, cụ thể như sau: Toàn bộ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 353, tờ bản đồ số: 06; địa chỉ: thôn Cao Mỹ Cổ Lũng, xã L, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” số BV 563400, số vào sổ cấp GCN: CH 01651 do UBND huyện Thái Thụy, tỉnh Thái

Bình cấp ngày 15/09/2014 đứng tên anh Kim Quang T và chị Phạm Thị H. Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số 595/2017, số công chứng 595/2017, quyền số 1TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/06/2017 tại Văn phòng Công chứng Hưng Thịnh – Số nhà 130, phố Lê Lợi, phường Đề Thám, Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Đối với 04 khoản vay còn lại, mặc dù trong hợp đồng ghi anh Kim Quang T vay với mục đích mua sắm vật dụng, đồ dùng trong gia đình nhưng chị Phạm Thị H không nắm được những khoản này nên Ngân hàng P yêu cầu anh Kim Quang T phải có trách nhiệm trả cho P tổng số tiền là 1.091.913.932 đồng (trong đó: Nợ gốc: 338.684.864 đồng; Lãi phải trả: 579.253.222 đồng; Phạt chậm trả lãi: 173.975.846 đồng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa lần thứ hai không có lý do là đã tự từ bỏ quyền của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Kim Quang T; Về quan hệ con chung: Chị H và anh T có hai con chung là Kim Phạm Như Q, sinh ngày 21/6/2015 và Kim Bảo N, sinh ngày 23/10/2017. Ly hôn, giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kim Bảo N và giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kim Phạm Như Q. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chung: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Về nợ: buộc anh Phạm Quang T và chị Phạm Thị H mỗi người phải trả ngân hàng P số tiền là 576.109.755 đồng (Năm trăm bảy mươi sáu triệu một trăm linh chín nghìn bảy trăm năm mươi năm đồng và toàn bộ lãi phát sinh kể từ ngày 07/12/2021 đến ngày thực trả theo đúng mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay hạn mức số LN1706190083792. Trường hợp Kể từ ngày Bản án/Quyết định có hiệu lực pháp luật mà anh Kim Quang T và chị Phạm Thị H không trả nợ đầy đủ cho VPBank, VPBank có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho VPBank, cụ thể như sau: Toàn bộ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 353, tờ bản đồ số: 06; địa chỉ: thôn Cao Mỹ Cổ Lũng, xã L, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” số BV 563400, số vào sổ cấp GCN: CH 01651 do UBND huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình cấp ngày 15/09/2014 đứng tên ông Kim Quang T và bà Phạm Thị H.

Anh T có trách nhiệm trả ngân hàng P số tiền của 4 khoản thế anh T trực tiếp ký vay tính đến ngày 06/12/2021 là 1.091.913.932 đồng (trong đó: Nợ gốc: 338.684.864 đồng; Lãi phải trả: 579.253.222 đồng; Phạt chậm trả lãi: 173.975.846 đồng).

Chị H phải chịu án phí ly hôn. Anh T, chị H phải chịu án phí tương ứng với nghĩa vụ trả nợ và các bên được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên Tòa vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Trong đó nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên cần chấp nhận. Bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn và nguyên đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Kim Quang T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, cưới có đăng ký kết hôn tại xã UBND xã L, huyện Thái Thụy vào ngày 12/10/2013. Tại thời điểm kết hôn, hai bên đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Xét nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh chị thì thấy trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017 do tính tình không hợp và do anh T làm ăn, chưa bồi thưa lỗi dẫn đến nợ. Hai vợ chồng anh chị không hiểu và thông cảm cho nhau. Anh chị đều thừa nhận đã sống ly thân đã lâu. Quá trình giải quyết vụ án, chị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, anh T tuy không muốn ly hôn nhưng nếu chị H kiên quyết ly hôn, anh cũng đồng ý. Tòa án đã báo anh nhiều lần đến Tòa án để hòa giải nhưng anh T không đến và không thuyết phục được chị H về chung sống cùng anh. Chứng tỏ tình trạng hôn nhân của chị H và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị H và anh T đều xác nhận vợ chồng anh chị có hai con chung là Kim Phạm Như Q, sinh ngày 21/6/2015 và Kim Bảo N, sinh ngày 23/10/2017. Hiện nay cháu Q đang ở cùng mẹ và ông bà ngoại, cháu N đang ở cùng bố và ông bà nội. Sau khi ly hôn, chị H và anh T đều có nguyện vọng là giao cho chị H nuôi cháu Q, anh T nuôi cháu N. Vì vậy để tránh sự xáo trộn tâm lý do thay đổi môi trường sống và vì lợi ích mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng nguyện vọng của chị H, anh T là phù hợp nên cần chấp nhận.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Về quan hệ tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[6]. Về nợ: Ngày 21/9/2021 Tòa án đã thụ lý yêu cầu độc lập của Ngân hàng P yêu cầu chị H và anh T phải trả nợ chung và thông báo cho anh T, chị H

biết. Căn cứ các hợp đồng đã ký kết và lời khai của các đương sự, HĐXX thấy rằng.

[6.1] Đối với hợp đồng cho vay hạn mức số LN1706190083792 ký ngày 22/06/2017 cùng khế ước nhận nợ lần 1 số LN1706190083792 ngày 23/06/2017 (LD1717401531) Ngân hàng P yêu cầu anh T và chị H phải trả số tiền tính đến ngày xét xử 06/12/2021 *tổng cả gốc và lãi phải trả bằng 1.152.219.510 đồng trong đó:*

Nợ gốc 625.000.000 đồng.

Lãi trong hạn: 35.073.299 đồng.

Lãi quá hạn: 355.218.750 đồng (tính quá hạn từ 23/6/2018).

Lãi chậm trả: 136.927.461 đồng.

Xét thấy yêu cầu của ngân hàng P phù hợp với nội dung trong hợp đồng cho vay cùng khế ước nhận nợ nên cần chấp nhận. Anh T, chị H đề nghị được giảm lãi suất, chỉ trả gốc nhưng ngân hàng P không chấp nhận nên cần buộc anh T, chị T mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ số tiền bằng 576.109.755 đồng và tiếp tục trả lãi sau khi tuyên án sơ thẩm theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng là phù hợp với Điều 463, 468 Bộ luật dân sự và Điều 37 Luật hôn nhân gia đình. Trường hợp anh T, chị H không trả được nợ thì Ngân hàng P được quyền phát mại tài sản bảo đảm là: Toàn bộ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 353, tờ bản đồ số: 06; địa chỉ: thôn Cao Mỹ Cỏ Lũng, xã L, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” số BV 563400, số vào sổ cấp GCN: CH 01651 do UBND huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình cấp ngày 15/09/2014 đứng tên anh Kim Quang T và chị Phạm Thị H và tài sản trên đất.

[6.2] Đối với 4 khoản vay gồm:

- Theo “Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn” ký ngày 11/10/2016 (LD1629800461) giữa Ngân hàng P và anh Kim Quang T.

Số tiền vay: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) - Ngày giải ngân là ngày 24/10/2016.

Thời hạn vay: 60 tháng tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên.

Mục đích sử dụng vốn: Mua sắm vật dụng gia đình.

Lãi suất trong hạn: 30%/năm. Lãi suất cho vay cố định trong suốt thời gian vay.

Lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

Tính đến ngày 06/12/2021, anh T còn phải trả:

Nợ gốc còn 176.052.284 đồng;

Lãi quá hạn: 286.881.233 đồng (quá hạn từ 24/01/2018);

Phạt chậm trả lãi: 99.849.045 đồng;

Tổng cả gốc và lãi phải trả = 562.782.571 đồng

- Theo “Đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử” ký ngày 09/06/2017

(LD1716500523).

Số tiền vay: 49,000,000 đồng (Bốn mươi chín triệu đồng).

Ngày giải ngân 14/06/2017

Thời hạn vay: 36 tháng tính từ ngày giải ngân

Mục đích sử dụng vốn: Mua sắm đồ gia dụng

Lãi suất trong hạn: 29,5%/năm.

Lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn

Tính đến ngày 06/12/2021 anh T còn phải trả:

Nợ gốc 43.628.897 đồng;

Lãi phải trả = 74.768.269 đồng

Phạt chậm trả lãi = 29.346.545 đồng

Tổng cả gốc và lãi phải trả = 147.743.711 đồng

- Theo “Đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm, đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm” ký ngày 12/06/2017 (266-P-952165).

Hạn mức sử dụng: 33,000,000 đồng (Ba mươi ba triệu đồng)

Mục đích sử dụng: Tiêu dùng

Tính đến ngày 06/12/2021 anh T còn phải trả:

Nợ gốc 31.500.000 đồng;

Lãi phải trả = 101.562.808 đồng

Phạt chậm trả lãi = 0 đồng

Tổng cả gốc và lãi phải trả = 133.062.808 đồng

- Hợp đồng vay thấu chi số PDPD1733500031 ngày 01/12/2017 (PDPD1733500031). Số tiền vay: 79,000,000 đồng (bảy mươi chín triệu đồng)

Mục đích sử dụng: Tiêu dùng

Lãi suất trong hạn: 22%/năm. Lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

Tính đến ngày 06/12/2021 anh T còn phải trả:

Nợ gốc 87.503.683 đồng;

Lãi phải trả 116.040.912 đồng;

Phạt chậm trả lãi: 44.780.247 đồng;

Tổng cả gốc và lãi phải trả = 248.324.842 đồng.

Các khoản vay này đều là các khoản vay giữa ngân hàng P và anh Kim Quang T, tiền vay được chuyển qua tài khoản thẻ của anh T. Ngân hàng P và anh T đều không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào thể hiện việc chị H biết các khoản vay và có chi tiêu tiền từ các khoản vay này, đồng thời không có tài liệu, chứng cứ thể hiện chị H đã trả gốc và lãi cho 4 khoản vay này do đó cần xác định 4 khoản vay này là nợ riêng của anh Kim Quang T và buộc anh T phải có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng P. Thông qua bố anh T, anh T đề nghị ngân hàng P xóa nợ cho anh cả 4 khoản nợ trên nhưng ngân hàng không đồng ý. Vì vậy buộc anh T phải trả cả gốc và lãi của 4 khoản nợ tính đến ngày

06/12/2021 là 1.091.913.932 đồng (trong đó: Nợ gốc: 338.684.864 đồng; Lãi phải trả: 579.253.222 đồng; Phạt chậm trả lãi: 173.975.846 đồng).

[7] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật. Yêu cầu của ngân hàng P được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Chị H, anh T mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ án phí đối với nghĩa vụ trả nợ chung cụ thể: $36.000.0000 \text{ đồng} + (1.152.219.510 \text{ đồng} - 800.000.000 \text{ đồng}) \times 3\% : 2 = 23.283.292 \text{ đồng}$. Anh T phải chịu án phí đối với nghĩa vụ trả nợ riêng của anh T: $36.000.000 \text{ đồng} + (1.091.913.932 \text{ đồng} - 800.000.000 \text{ đồng}) \times 3\% = 44.757.418 \text{ đồng}$. Tổng cộng anh T phải chịu 68.040.710 đồng.

[8]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ngân hàng P tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên không đặt ra giải quyết.

[9] Về quyền kháng cáo: Chị H, anh T và ngân hàng P có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 37, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 217, 218, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 468 Bộ luật dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H ly hôn anh Kim Quang T.

2. Về con chung: Chị H và anh T có hai con chung là Kim Phạm Như Q, sinh ngày 21/6/2015 và Kim Bảo N, sinh ngày 23/10/2017. Ly hôn, giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kim Bảo N và giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kim Phạm Như Q. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị H, anh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Chị Phạm Thị H và anh Kim Quang T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về nợ:

4.1. Buộc anh Phạm Quang T và chị Phạm Thị H mỗi người phải trả ngân hàng P số tiền là 576.109.755 đồng (Năm trăm bảy mươi sáu triệu một trăm linh chín nghìn bảy trăm năm mươi năm đồng và toàn bộ lãi phát sinh kể từ ngày 07/12/2021 đến ngày thực trả theo đúng mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay hạn mức số LN1706190083792. Trường hợp Kể từ ngày Bản án/Quyết định có hiệu lực pháp luật mà anh Kim Quang T và chị Phạm Thị H không trả nợ đầy đủ cho VPBank, VPBank có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho VPBank, cụ thể như sau: Toàn

bộ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 353, tờ bản đồ số: 06; địa chỉ: thôn Cao Mỹ Cổ Lũng, xã L, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” số BV 563400, số vào sổ cấp GCN: CH 01651 do UBND huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình cấp ngày 15/09/2014 đứng tên ông Kim Quang T và bà Phạm Thị H. Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số 595/2017, số công chứng 595/2017, quyền số 1TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/06/2017 tại Văn phòng Công chứng Hưng Thịnh – Số nhà 130, phố Lê Lợi, phường Đề Thám, Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

4.2. Buộc anh Kim Quang T phải trả ngân hàng P 4 khoản nợ riêng là 1.091.913.932 đồng (Một tỷ không trăm chín mươi một triệu chín trăm mười ba nghìn chín trăm ba mươi hai đồng) và toàn bộ lãi phát sinh kể từ ngày 07/12/2021 đến ngày thực trả theo đúng mức lãi suất thỏa thuận tương ứng với các hợp đồng đã ký kết.

5. Về án phí:

5.1. Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 23.283.292 đồng án phí nợ. Chuyển số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003943 ngày 14/6/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang thi hành án phí. Chị H còn phải nộp 23.283.292 đồng (Hai mươi ba triệu hai trăm tám mươi ba nghìn hai trăm chín mươi hai đồng).

5.2 Anh Kim Quang T phải chịu 68.040.710 đồng án phí nợ (Sáu mươi tám triệu không trăm bốn mươi nghìn bảy trăm mười đồng).

5.3 Ngân hàng P không phải chịu án phí. Trả lại Ngân hàng P số tiền 36.000.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003982 ngày 21/9/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị H, anh Kim Quang T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Ngân hàng PV Bank được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 06/12/2021.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện Thái Thụy.
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- UBND xã L;
- VKSND tỉnh Thái Bình.
- TAND tỉnh Thái Bình.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Vương

- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.